

Bản án số: **136/2019/DS-PT**

Ngày: 08 - 11.- 2019

V/v Tranh chấp yêu cầu mở lối đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Anh.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Toàn.

2/. Bà Trương Tô Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp yêu cầu mở lối đi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 165/2019/QĐPT-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà M. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*vắng mặt*)

2. Ông M1. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*vắng mặt*)

3. Bà M2. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của bà M, ông M1, bà M2: Ông M3. Địa chỉ: Ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 27-9-2019). (*có mặt*)

- Bị đơn: Ông N. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*có mặt*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà N1. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*vắng mặt*)

2. Anh N2. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*vắng mặt*)

3. Chị N3. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*vắng mặt*)

- *Người kháng cáo:* Bà M, ông M1, bà M2 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-12-2018 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà M, ông M1, bà M2 (do ông M3 là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Năm 1975, bà M và vợ chồng ông M1, bà M2 có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích khoảng 3.000m² tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà M và gia đình ông M1 đã cất nhà, xây dựng các công trình kiên cố và ở trên đất từ đó cho đến nay. Phía trước nhà bà M, ông M1, bà M2 là đường công cộng rồi đến sông K; nhà bà M, ông M1, bà M2 nằm trong ngõ cụt, nhà ông N nằm trước nhà bà M, ông M1, bà M2. Gia đình bà M và gia đình ông M1 muốn ra đường huyện lộ K1 phải đi ngang nhà ông N.

Trong quá trình sử dụng đến năm 2014, ông N xây dựng hàng rào ngăn cản không cho gia đình bà M và gia đình ông M1 nằm bên trong đi lại trên đường này, gây khó khăn cho gia đình bà M và gia đình ông M1 đi lại vì có con, cháu đi học, nếu mùa mưa thì đi xuống qua sông, còn mùa khô thì đi đường ruộng phía sau nhà ông N. Hiện gia đình bà M có làm nghề đổ giá và đi giao hàng ngày nên việc đi lại buôn bán khó khăn. Gia đình bà M đã nhiều lần khiếu nại và yêu cầu mở lối đi nhưng gia đình ông N không đồng ý.

Nay bà M, ông M1, bà M2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà N1 tháo hàng rào, mở lối đi ngang 1,5m x dài 47,6m vị trí mở lối đi theo biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng (phía trước nhà ông N) và đồng ý trả hoa lợi cho ông N theo quy định.

- *Bị đơn ông N trình bày:* Trên phần đất của ông không có lối đi công cộng, lối đi công cộng là hương lộ, quốc lộ do Nhà nước bồi hoàn, phần đất này là trước nhà của ông. Trước đây giữa đất ông với đất bà M không có liền, khi Nhà nước vét sông K thì mới liền. Trước năm 2006 giữa nhà ông và nhà bà M không có lối đi chung, khi có công việc thì đi xuống ghe qua sông mới có lộ đi. Khi Nhà nước xây cầu năm 2006 phía bà M cũng không có đi ngang qua nhà ông, vì phía trước nhà ông trồng cây kiêng, làm trại mộc, nuôi gà và có căn nhà của con ông là N2, đồng thời ông có làm công rào để bảo vệ tài sản của gia đình ông.

Trước đây giữa gia đình ông với gia đình bà M có mâu thuẫn về việc tranh chấp ranh đất từ ấp đến xã và sau đó khởi kiện đến Tòa án nhưng năm nào ông không nhớ, lúc đó ông đang công tác ở xã nên ông mới đồng ý thỏa thuận với bà M. Đối với yêu cầu mở lối đi, trước đây khi bắt cầu nếu bà M muốn đi thì bà M qua thỏa thuận với ông thì ông vẫn đồng ý cho bà M đi ở phía sau. Nhưng bà M không có thỏa thuận mà thừa ông từ ấp, xã đến huyện. Khi có đoàn đại biểu Quốc hội đến bà M cũng vẫn khiếu nại, ông đã trả lời nhiều lần là vẫn đồng ý cho bà M đi nhưng đi phía sau, trên bờ liếp của ông nhưng bà M không đồng ý và vẫn khiếu nại rồi khởi kiện. Đối với lối đi phía trước thì ông cương quyết không đồng ý, vì lối đi theo yêu cầu của bà M là đi

trên hành lang nhà ông và cũng gây khó khăn cho ông bảo vệ tài sản, ảnh hưởng sinh hoạt và công việc làm thợ mộc của ông.

Nay ông vẫn đồng ý cho gia đình bà M mở lối đi nhưng đi phía sau và cho lót bê tông, không yêu cầu bà M trả giá trị đất. Khi nào Nhà nước làm lộ hoặc bà M có lối đi khác thì trả đất lại cho ông.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 đã căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 254 Bộ luật Dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà M, ông M1, bà M2 về việc yêu cầu bị đơn ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N1 mở lối đi diện tích ngang 1,5m x dài 47,6m ngang thửa 519, có tổng diện tích 3.950m², tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp C, xã B huyện A, tỉnh Sóc Trăng (có tuyên từ cạnh của lối đi và sơ đồ đo vẽ kèm theo). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá; án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.*

Ngày 04-9-2019, các nguyên đơn bà M, ông M1, bà M2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn mở lối đi có diện tích ngang 1,5m x dài 47,6m cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của các nguyên đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự bà N1, anh N2, chị N3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, các đương sự khác vắng mặt có người đại diện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Gia đình các nguyên đơn bà M, ông M1, bà M2 đang sử dụng đất tại thửa số 520; còn gia đình bị đơn ông N đang sử dụng đất tại thửa số 519; cả hai phần đất đều thuộc tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp C, xã B huyện A, tỉnh Sóc Trăng và nằm giáp ranh với nhau; đất của nguyên đơn nằm ở phía trong, còn đất của bị đơn nằm ở phía ngoài tiếp giáp với đường công cộng (là con lộ đal đi ra đường huyện K1). Do vị trí tự nhiên mà đất của bị đơn đã vây bọc toàn bộ và ngăn cách đất của nguyên đơn với đường công cộng nên muốn đi ra đường công cộng thì nguyên đơn phải đi ngang qua đất của bị đơn. Từ đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn dành cho mình một lối đi trên đất của bị đơn để nguyên đơn đi ra đường công cộng là nhu cầu chính đáng. Bị đơn đã đồng ý dành cho nguyên đơn một lối đi có chiều ngang 1,5m x chiều dài 122,5m có vị trí ở phía sau thửa số 519, nhưng nguyên đơn không đồng ý sử dụng lối đi này mà yêu cầu bị đơn phải dành cho nguyên đơn một lối đi khác có chiều ngang 1,5m x chiều dài 47,6m có vị trí ở phía trước thửa số 519, vì không thỏa thuận được với nhau nên hai bên phát sinh tranh chấp và nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Như vậy, quyền được mở lối đi qua bất động sản liền kề để đi ra đường công cộng của chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc là quyền dân sự được Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền này phải đảm bảo một số nguyên tắc nhất định, trong đó có nguyên tắc là việc mở lối đi phải đảm bảo gây thiệt hại ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Nguyên đơn (là chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc) có quyền yêu cầu bị đơn (là chủ sở hữu bất động sản liền kề) thực hiện nghĩa vụ mở lối đi qua đất của bị đơn để nguyên đơn có thể đi ra đường công cộng, nhưng việc lối đi đó được mở như thế nào (dài, ngắn, bên trái, bên phải, phía trước, phía sau, đi thẳng, đi vòng...) thì nguyên đơn không có quyền buộc bị đơn phải đáp ứng theo yêu cầu của mình, nếu yêu cầu đó của nguyên đơn gây khó khăn, phiền hà, làm thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn trong việc sử dụng đất, trong đời sống sinh hoạt, kinh doanh - sản xuất, bảo vệ tài sản...

[3] Đối chiếu với quy định nêu trên, thấy rằng lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở có vị trí ở phía trước thửa số 519 và đi ngang qua mặt tiền nhà của bị đơn nên

sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nên bị đơn có quyền không đồng ý và lựa chọn mở một lối đi khác cho nguyên đơn trên đất của mình. Lối đi mà bị đơn đồng ý mở cho nguyên đơn có vị trí ở phía sau thửa số 519 và đi vòng sau nhà của bị đơn, tuy có độ dài gấp khoảng 2,5 lần so với lối đi theo như yêu cầu của nguyên đơn nhưng nếu nguyên đơn sử dụng lối đi này thì sẽ ít làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nhất; hiện nay việc nguyên đơn sử dụng lối đi này bị đơn không hề ngăn cản và bị đơn cũng cam kết sẽ tạo điều kiện cho nguyên đơn được thuận tiện sử dụng lối đi thông qua việc không yêu cầu nguyên đơn trả giá trị đất và chỉ yêu cầu nguyên đơn trả lại đất khi Nhà nước làm lộ hoặc nguyên đơn có lối đi khác. Đồng thời, lối đi mà bị đơn đồng ý mở cho nguyên đơn cũng đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu đi lại, sinh hoạt cũng như phục vụ cho việc khai thác sử dụng đất của nguyên đơn một cách bình thường... Còn về vấn đề lối đi này là bờ liếp của thửa số 519 nên trong trường hợp vào mùa mưa bị lầy lội, khó sử dụng thì việc cải tạo, nâng cấp lối đi như thế nào để đảm bảo cho nhu cầu đi lại là trách nhiệm của nguyên đơn, còn bị đơn đã đồng ý mở lối đi rồi thì không có trách nhiệm này.

[4] Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ việc kháng cáo của các nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận nên nội dung đơn yêu cầu đề ngày 26-9-2019 của nguyên đơn bà M về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra quyết định xem xét, đo đạc, thẩm định, định giá lại tài sản là phần đất mở lối đi và các công trình xây dựng, các vật khác trên đất là không có căn cứ để Tòa án xem xét.

[6] Về nội dung giải quyết án của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nhưng về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm thì cấp sơ thẩm xác định chưa chính xác. Tranh chấp trong vụ án là yêu cầu mở lối đi, là dạng tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét có chấp nhận yêu cầu mở lối đi hay không, nên trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu mở lối đi thì nguyên đơn phải cùng chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng. Nghĩa vụ cùng chịu án phí sơ thẩm này là nghĩa vụ liên đới nên nếu bà M được miễn án phí sơ thẩm thì ông M1, bà M2 vẫn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông M1, bà M2 mỗi người phải chịu 100.000đồng (tổng cộng là 200.000đồng) và hoàn trả cho bà M 100.000đồng là chưa chính xác. Tuy nhiên, vấn đề này các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị và nếu cấp phúc thẩm sửa án sẽ gây bất lợi cho đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, sửa án sơ thẩm mà chỉ nêu ra sai sót này để cho Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông M1, bà M2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, riêng bà M là người cao tuổi nên được

miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các nguyên đơn bà M, ông M1, bà M2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, ông M1, bà M2 về việc yêu cầu ông N, bà N1 mở lối đi diện tích ngang 1,5m x dài 47,6m ngang thửa đất số 519, có tổng diện tích 3.950m², thuộc tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp C, xã B huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Lối đi có tứ cạnh như sau (*Có sơ đồ kèm theo*):

- Hướng Đông giáp lộ đal có số đo 1,5m;
- Hướng Tây giáp thửa đất số 520 có số đo 1,5m;
- Hướng Nam giáp thửa đất số 519 có số đo 47,6m;
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 519 có số đo 47,6m.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Bà M, ông M1, bà M2 phải liên đới chịu là 525.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà bà M đã nộp là 2.000.000đồng theo Biên lai thu ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Bà M được hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá nộp thừa là 1.475.000đồng, nhận tại Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Do bà M đã thực hiện xong nên ông M1, bà M2 mỗi người phải hoàn trả cho bà M số tiền là 175.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ông M1, bà M2 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà mỗi người đã nộp là 100.000đồng theo Biên lai thu số 0003442 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

A, tỉnh Sóc Trăng. Bà M được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là 100.000đồng theo Biên lai thu nêu trên.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Ông M1, bà M2 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà mỗi người đã nộp là 300.000đồng theo các Biên lai thu số 0009804 (M1), số 0009803 (M2) cùng ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông M1, bà M2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (05);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện A (01);
- Chi cục THADS huyện A (01);
- Lưu: HSVA - VP (02).

Võ Hoàng Anh